

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS - ST.

Ngày: 08/11/2018.

V/v: "Kiện đòi nợ".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Trọng Diễn và bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên Toà: Ông Nguyễn Văn Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Toà: Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Ngày 08/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLST- DS ngày 26/6/2018 về tranh chấp “Kiện đòi nợ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXX-ST ngày 05/10/2018, quyết định hoãn phiên Tòa số 23/2018/QĐST - HPT ngày 24/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1963.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn Th, sinh năm 1980.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lương Thị D, sinh năm 1987. (Chị D bị bệnh tâm thần phân liệt).

Đều nơi cư trú: Thôn Chỉ Trung, xã ĐT, huyện TH, tỉnh Thái Bình. Đại diện theo pháp luật cho chị Lương Thị D là chị Lương Thị T2, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Hải Long, xã ĐH, huyện TH, tỉnh Thái Bình. (em gái chị D).

(Bà T, chị D, chị T2 có mặt tại phiên Tòa, anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày: Trong thời gian vợ chồng chị D, anh Th chưa ly hôn, chị D bị bệnh tâm thần phân liệt. Anh Th không trông nom chăm sóc và chu cấp tiền cho chị D nên chị D không có tiền chữa bệnh và chăm sóc con. Bà đã phải cho chị D vay tiền cụ thể như sau:

- Tiền bà mua bảo hiểm y tế trong 03 năm từ 2014 đến năm 2016 hết số tiền 1.890.000 đồng. Anh Th có biết việc bà mua bảo hiểm y tế cho chị D. Khi vay có thời điểm vợ chồng còn chung sống, có thời điểm đã sống ly thân.

- Ngày 22/7/2016, chị D đi bệnh viện Tâm thần Thái Bình, chị có vay bà 2.000.000 đồng. (Có biên lai thu tiền bệnh viện tâm thần Thái Bình kèm theo). Khi vay vợ chồng anh Th, chị D đã ly thân.

- Chị D vay tiền bà sau đó chị D nhờ bà mua thuốc cho chị hàng tháng trong 4 năm từ năm 2014 đến năm 2017 (Tiền thuốc mua ngoài không được thanh toán bảo hiểm) mỗi tháng là 400.000 đồng, tổng cộng là 14.000.000 đồng. Khi vay khoản tiền trên, vợ chồng anh Th, chị D còn chung sống với nhau, có thời điểm vợ chồng chị D và anh Th đã sống ly thân.

- Bà cho chị D vay 33.000.000 đồng để chị D nuôi con chung của vợ chồng chị là cháu Vũ Hồng Quyên trong thời gian vợ chồng anh Th và chị D đã sống ly thân nhưng chưa ly hôn (Từ 05/02/2016 đến 29/01/2018). Trong thời gian này, anh Th chỉ hỗ trợ chị D mua sữa cho cháu Quyên trong 03 tháng. Tất cả các khoản tiền trên đã có giấy biên nhận có chữ ký của chị D. Khi cho vay, bà T đã thông báo các khoản vay trên cho anh Th biết nhưng không có chữ ký của anh Th trong giấy biên nhận. Bà yêu cầu anh Th phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 50.890.000 đồng, bà không yêu cầu trả lãi. Vì chị D bị bệnh và phải trực tiếp chăm sóc con chung nên chị D không phải trả các khoản nợ trên cùng anh Th.

Bị đơn là anh Vũ Văn Th khai tại bản tự khai ngày 07/9/2018: Đối với khoản tiền 1.890.000 đồng mà bà T cho chị D vay để chị D mua bảo hiểm y tế cho chị trong ba năm từ năm 2014 đến năm 2016, anh không biết và anh đã sống ly thân với chị D. Đối với khoản tiền thứ hai là số tiền 14.000.000 đồng, chị D vay bà T và nhờ bà đi mua thuốc hộ anh cũng không biết, chị D có vay bà T 2.000.000 đồng đi viện anh cũng không biết. Đối với khoản tiền 33.000.000 đồng, chị D vay bà T nuôi con anh Th cũng không biết, anh không ký vay nợ với bà T bất cứ khoản nợ gì nên quan điểm của anh không đồng ý trả nợ bà T số tiền là 50.890.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị D trình bày: Chị có vay của mẹ đẻ chị là bà Lương Thị T số tiền 50.890.000 đồng như mẹ chị đã trình bày ở trên. Mỗi khi vay tiền, chị đều thông báo cho anh Th biết. Anh Th nói với chị cứ xuống vay rồi anh Th đi làm sẽ trả. Đến khi hai vợ chồng chị ly hôn thì anh Th từ chối không trả các khoản nợ trên. Chị đồng ý với ý kiến của bà T, đề nghị Tòa án buộc anh Th trả bà T số tiền 50.890.000 đồng.

Chị Lương Thị T2 là đại diện theo pháp luật của chị D trình bày: Chị hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà T.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T buộc anh Th phải trả bà T khoản nợ chung trong thời kỳ vợ chồng anh Th và

chị D chưa ly thân. Không chấp nhận các khoản tiền mà bà T yêu cầu anh Th phải trả trong thời gian vợ chồng anh Th và chị D đã ly thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Đây là tranh chấp kiện đòi nợ, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có nơi cư trú tại huyện TH, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là phù hợp với khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Vũ Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo trình tự vắng mặt của bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T: Đối với khoản tiền 1.890.000 đồng, theo bà T khai đối với khoản tiền bảo hiểm y tế tự nguyện mà bà T mua cho chị D trong ba năm từ 2014 đến năm 2016 hết tổng số tiền 1.890.000 đồng. Chị D là người trực tiếp thụ hưởng từ việc bà T mua bảo hiểm y tế phù hợp với việc bà Vy Thị Mỹ là phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã ĐT, huyện TH, tỉnh Thái Bình xác nhận về việc bà Lương Thị T có mua cho chị Lương Thị D ba năm bảo hiểm y tế là có thật và trong thời điểm mà bà T mua bảo hiểm y tế cho chị D thì vợ chồng chị D và anh Th chưa sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền 1.890.000 đồng là khoản nợ chung của anh Th và chị D nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận 1/2 khoản tiền trên là khoản nợ mà anh Th phải trả bà T nên buộc anh Th phải trả cho bà T số tiền 945.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Đối với khoản tiền 2.000.000 đồng, bà T khai ngày 22/7/2016, chị D đi bệnh viện Tâm thần Thái Bình, chị D có vay bà 2.000.000 đồng. (Có biên lai thu tiền bệnh viện tâm thần Thái Bình kèm theo). Hội đồng xét xử xét thấy khi chị D vay bà T vợ chồng anh Th, chị D đã sống ly thân từ tháng 02/2016 nên không có căn cứ chấp nhận khoản tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3]. Đối với khoản tiền 14.000.000 đồng, bà T khai chị D vay tiền bà mục đích để chị D mua thuốc hàng tháng trong 4 năm từ năm 2014 đến năm 2017 (Tiền thuốc mua ngoài không được thanh toán bảo hiểm), mỗi tháng là 400.000 đồng, tổng cộng là 14.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy bà T không xuất trình được các chứng từ biên lai của Bệnh viện về việc chị D mua

thuộc và hơn nữa anh Th và chị D đã sống ly thân từ tháng 02/2016 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận khoản tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4]. Đối với khoản tiền 33.000.000 đồng, bà T khai bà cho chị D vay 33.000.000 đồng để chị nuôi con chung của chị và anh Th là cháu Vũ Hồng Quyên, trong thời gian vợ chồng anh Th chị D sống ly thân nhưng chưa ly hôn (Từ 05/02/2016 đến 29/01/2018). Trong thời gian này anh Th chỉ hỗ trợ chị D mua sữa cho cháu Quyên trong 03 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy anh Th và chị D đã sống ly thân từ tháng 02/2016, khi sống ly thân chị D và anh Th mỗi người nuôi một con, chị D nuôi con nhỏ là Vũ Hồng Quyên, anh Th nuôi con lớn là Vũ Mạnh Cường nên Hội đồng xét xử xét thấy khoản tiền trên chị D vay bà T về việc nuôi con là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T được Tòa án chấp nhận một phần nên bà T, anh Th đều phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 26/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T buộc anh Vũ Văn Th, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn Chi Trung, xã ĐT, huyện TH, tỉnh Thái Bình phải trả cho bà Lương Thị T là 945.000 đồng (Chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T buộc anh Vũ Văn Th phải trả là 49.945.000 đồng (Bốn mươi chín triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Bà T đã nộp tạm ứng án phí là 1.200.000 đồng tại biên lai thu số 0008734 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TH tỉnh Thái Bình. Chuyển số tiền 1.200.000 đồng mà bà T đã nộp sang tiền án phí. Bà T phải nộp tiếp 1.297.000 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TH.
 - Các đương sự.
 - UBND xã ĐT.
- huyện TH, tỉnh Thái Bình.
- PKT Giám đốc.
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh